

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	4,600 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.1%	-6.1%	-

DT thuần	2024		
	236	YoY	▲ 125
	tỷ VNĐ		▲ 113%

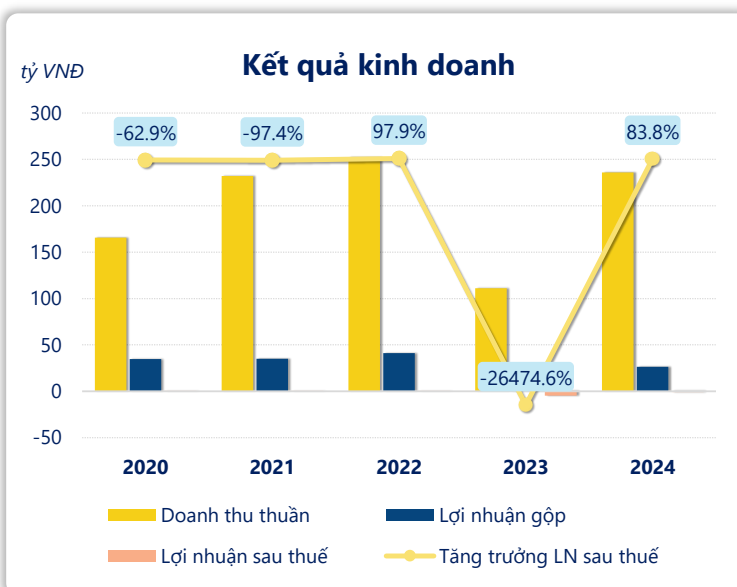
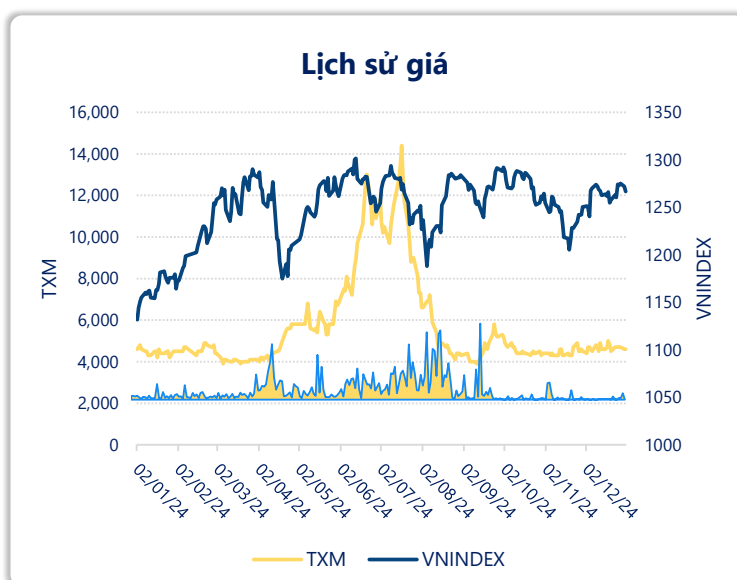
LN gộp	2024		
	26.4	YoY	▲ 8.00
	tỷ VNĐ		▲ 43.1%

LN thuần	2024		
	-2.65	YoY	▲ 2.06
	tỷ VNĐ		▲ 43.7%

LN sau thuế	2024		
	-0.75	YoY	▲ 3.92
	tỷ VNĐ		▲ 83.8%

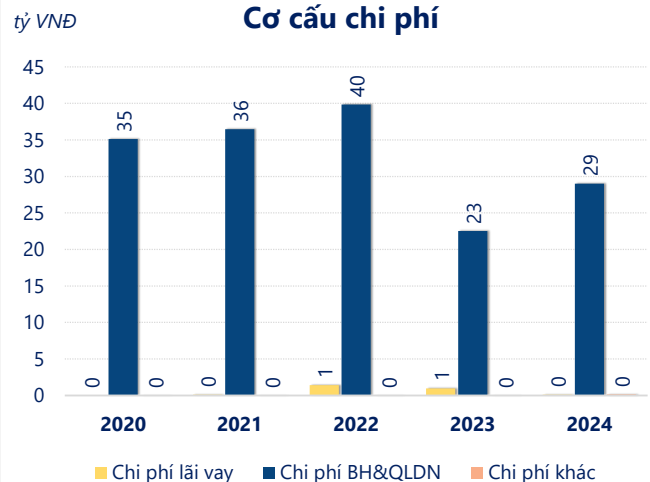
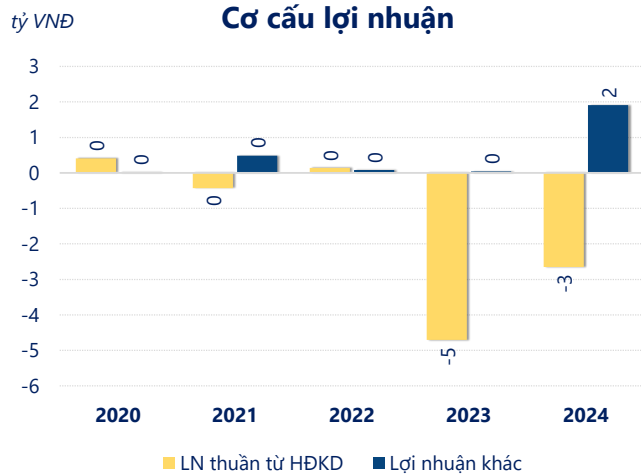
ROE	2024		
	-0.7%	+/- YoY	▲ 3.4%

ROA	2024		
	-0.5%	+/- YoY	▲ 2.3%



Năm **2024**, **TXM** ghi nhận doanh thu thuần **236.0** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **-0.75** tỷ đồng, lần lượt **tăng 113%** và **tăng 83.8%** so với năm trước.

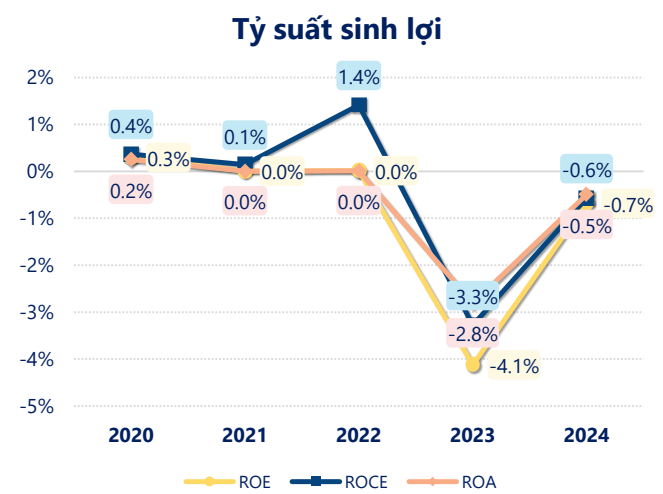
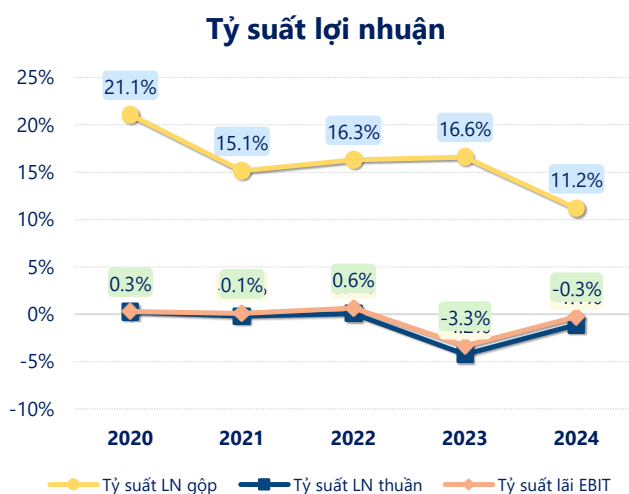
Doanh thu có sự tăng trưởng nhưng không đủ bù đắp các chi phí khiến lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -0.68% là dấu hiệu của tình hình kinh doanh đang xấu đi.



Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của TXM năm **2024 tăng lên 2.06** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 2.65 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2023** là 4.71 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.11** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **29.02** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 0.15** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của TXM năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **-0.68%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



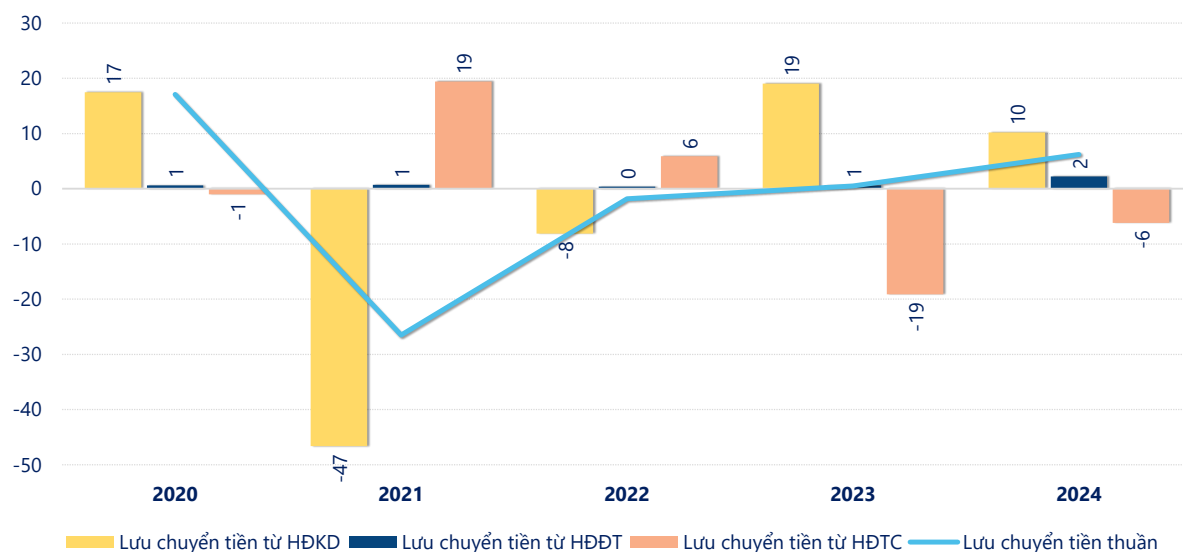
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	166	232	252	111	236
Giá vốn hàng bán	131	197	211	92.5	210
Lợi nhuận gộp	34.9	35.1	41.1	18.4	26.4
Doanh thu HĐTC	0.67	1.11	0.80	0.60	0.26
Chi phí TC	0.04	0.19	1.93	1.22	0.26
Chi phí lãi vay	0	0.11	1.41	0.96	0.11
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	23.7	26.6	29.8	12.0	17.4
Chi phí QLDN	11.4	9.92	10.0	10.5	11.7
LN thuần từ HĐKD	0.40	-0.43	0.14	-4.71	-2.65
Lợi nhuận khác	0.03	0.49	0.08	0.04	1.91
LN trước thuế	0.43	0.06	0.22	-4.67	-0.74
Lợi nhuận sau thuế	0.35	0.01	0.02	-4.67	-0.75
LNST của CĐ cty mẹ	0.35	0.01	0.02	-4.67	-0.75

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của TXM bằng **6.20** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (0.46 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **10.16** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **2.21** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-6.17** tỷ đồng.